

Số: 673/CV-HĐQTV/v giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh Quý II năm 2022Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco xin giải trình số liệu chênh lệch Báo cáo tài chính Tổng hợp và Hợp nhất Quý II năm 2022 so với Quý II năm 2021 như sau:

1. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý II năm 2022 và Quý II năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Doanh thu thuần	280.896.283.189	256.334.787.805	24.561.495.384	9,6%
2	Giá vốn hàng bán	229.386.464.598	202.777.354.660	26.609.109.938	13,1%
3	Lợi nhuận gộp	51.509.818.591	53.557.433.145	(2.047.614.554)	-3,8%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	748.642.465	5.744.705.766	(4.996.063.301)	-87,0%
5	Chi phí tài chính	11.546.834.994	10.057.361.476	1.489.473.518	14,8%
6	Chi phí bán hàng	1.301.955.673	1.854.683.938	(552.728.265)	-29,8%
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25.119.737.421	27.830.783.643	(2.711.046.222)	-9,7%
8	Lợi nhuận khác	879.079.999	(249.338.826)	1.128.418.825	452,6%
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.083.281.470	7.021.570.536	(2.938.289.066)	-41,8%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.085.731.497	12.288.400.492	(1.202.668.995)	-9,8%

2. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý II năm 2022 và Quý II năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Doanh thu thuần	280.896.283.189	256.334.787.805	24.561.495.384	9,6%

2	Giá vốn hàng bán	229.386.464.598	202.777.354.660	26.609.109.938	13,1%
3	Lợi nhuận gộp	51.509.818.591	53.557.433.145	(2.047.614.554)	-3,8%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	748.642.901	5.744.708.023	(4.996.065.122)	-87,0%
5	Chi phí tài chính	11.546.834.994	10.057.361.476	1.489.473.518	14,8%
6	Chi phí bán hàng	1.301.955.673	1.854.683.938	(552.728.265)	-29,8%
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25.134.989.321	27.843.107.593	(2.708.118.272)	-9,7%
8	Lợi nhuận khác	879.079.999	(249.338.826)	1.128.418.825	452,6%
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.083.281.470	7.021.570.536	(2.938.289.066)	-41,8%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.070.480.033	12.276.078.799	(1.205.598.766)	-9,8%

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo Tổng hợp và Hợp nhất Quý II năm 2022 giảm so với năm 2021 nguyên nhân chủ yếu là:

- Do chi phí nguyên vật liệu tăng cao dẫn đến chi phí giá vốn tăng, tốc độ tăng giá vốn (13%) cao hơn tốc độ tăng doanh thu (9,6%) dẫn đến lợi nhuận gộp giảm.
- Do Ngân hàng điều chỉnh lãi suất vay dẫn đến chi phí tài chính tăng.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.

Đại diện tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hà

